

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/9/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tình.

2. Ông Lê Phúc Tiếng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 558/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông H – Sinh năm 1975 (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà H1 – Sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông H trình bày có nội dung như sau:

Tôi (H) và bà H1 tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 30 tháng 01 năm 2001. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại Tổ dân phố X, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình chung sống, tôi và bà H1 chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chúng tôi đã cố gắng hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay chúng tôi đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà H1.

Về con chung: Tôi và bà H1 có hai con chung là cháu Đ – Sinh ngày 04/3/2003 và cháu L – Sinh ngày 05/7/2005. Đối với cháu Đ đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), tự quyết định cuộc sống của mình nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu L, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu L cho đến tuổi trưởng thành; tôi không yêu cầu bà H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà H1 tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn bà H1, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng bà H1 vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của ông H. Chấp nhận ông H được ly hôn với bà H1. Chấp nhận giao con chung cháu L – Sinh ngày 05/7/2005 cho ông H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu Đ – Sinh ngày 04/3/2003 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ông H không yêu cầu bà H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà H1. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà H1 đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 30 tháng 01 năm 2001. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, ông H và bà H1 xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân theo ông H trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H1.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Ông H và bà H1 đăng ký kết hôn và chung sống tại địa chỉ: Tổ dân phố X, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống tại địa phương, ông H và bà H1 xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Tuy nhiên ông H và bà H1 không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H1 đến Tòa án để làm việc nhưng bà H1 vắng mặt, không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà H1 là không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của ông H xin ly hôn với bà H1, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung: Ông H và bà H1 có hai con chung là cháu Đ – Sinh ngày 04/3/2003 và cháu L – Sinh ngày 05/7/2005.

Đối với cháu Đ đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự lo được cho cuộc sống của mình, nên ông H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với cháu L, ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L cho đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy cháu L có nguyện vọng được sống cùng với bố, vì vậy cần giao cháu L cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, là đảm bảo nguyện vọng, quyền lợi về mọi mặt, đảm bảo sự phát triển ổn định của con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H không yêu cầu bà H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà H1.

Về quan hệ hôn nhân: Ông H được ly hôn với bà H1.

Về con chung:

Đối với cháu Đ – Sinh ngày 04/3/2003 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên ông H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Giao con chung cháu L – Sinh ngày 05/7/2005 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà H1, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H không yêu cầu bà H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019752 ngày 28 tháng 6 năm 2022 (do ông V nộp thay).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương